

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

1. Mô tả khái quát về nhiệm vụ:

- Tên Nhiệm vụ: Kiểm kê tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu.
- Cơ quan ban hành quyết định: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lai Châu.
- Chủ đầu tư: Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước.

2. Giới thiệu về gói thầu:

- Tên gói thầu: Gói thầu số 03: Kiểm kê tài nguyên nước.
- Loại hình hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 90 ngày (kể từ ngày ký hợp đồng, bao gồm cả thời gian thẩm định, phê duyệt kết quả thực hiện nhiệm vụ).

3. Mục đích tuyển chọn nhà thầu:

Nhằm tuyển chọn được nhà thầu đáp ứng các yêu cầu của Chủ đầu tư để thực hiện gói thầu Kiểm kê tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu trên cơ sở cạnh tranh, công bằng minh bạch và hiệu quả kinh tế.

II. Phạm vi công việc:

1. Mục tiêu của gói thầu

1.1 Mục tiêu chung

Công bố được các chỉ tiêu kiểm kê tài nguyên nước (lần đầu) trên các lưu vực sông nội tỉnh trên cơ sở thông tin, số liệu kiểm kê được thực hiện chính xác, đồng bộ, đúng thời gian. Các số liệu về kiểm kê tài nguyên nước, khai thác sử dụng nước và xả thải vào nguồn nước là dữ liệu quan trọng phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước, quy hoạch, điều hòa, phân bổ tài nguyên nước; làm cơ sở để hoàn thiện chính sách, pháp luật về tài nguyên nước và lập, điều chỉnh chiến lược, quy hoạch, kế hoạch khai thác sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, hướng tới việc đảm bảo an ninh tài nguyên nước, phát triển kinh tế - xã hội và chuyển đổi số quốc gia, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực tài nguyên nước.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

Kiểm kê được nguồn nước mặt nội tỉnh trên cơ sở thông tin, số liệu thực hiện chính xác, đồng bộ nhằm phục vụ hiệu quả công tác quản lý tài nguyên nước, công tác lập, điều chỉnh, quy hoạch, kế hoạch khai thác sử dụng, bảo vệ

tài nguyên nước mặt ở địa phương, hướng tới việc đảm bảo an ninh nguồn nước và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực.

Kiểm kê được các chỉ tiêu đối với nguồn nước mặt nội tỉnh, bao gồm:

- Số lượng nguồn nước mặt: số lượng các sông, suối, hồ chứa nội tỉnh trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Lượng nước mặt, gồm: tổng lượng dòng chảy; lượng nước mặt chảy vào, ra khỏi phạm vi tỉnh (theo các đặc trưng trung bình nhiều năm, mùa, tháng); tổng lượng nước chuyên giữa các lưu vực sông và tổng dung tích các hồ chứa trên toàn tỉnh, các xã/phường và theo lưu vực sông;

- Chất lượng nước mặt tại một số đoạn sông, suối trên địa bàn tỉnh;

- Khai thác, sử dụng nước mặt, gồm: danh mục các công trình khai thác, sử dụng; mục đích khai thác; lượng nước khai thác;

- Xả nước thải vào nguồn nước, gồm: danh mục các công trình xả nước thải; lưu lượng xả vào nguồn nước; loại hình nước thải.

2. Phạm vi, đối tượng thực hiện

2.1. Phạm vi: trên địa bàn tỉnh Lai Châu

2.2. Đối tượng: Kiểm kê các chỉ tiêu về số lượng nguồn nước mặt, chất lượng nước mặt, khai thác sử dụng nước mặt và xả nước thải vào nguồn nước đối với nguồn nước mặt nội tỉnh (*thuộc các lưu vực sông nội tỉnh độc lập và lưu vực sông liên tỉnh*), lượng nước mặt đối với lưu vực sông nội tỉnh độc lập

3. Nội dung thực hiện nhiệm vụ

a) Thu thập, kế thừa các thông tin, số liệu liên quan đến chỉ tiêu kiểm kê.

- Thông tin, số liệu, dữ liệu quan trắc, đo đạc khí tượng, thủy văn, tài nguyên nước, chất lượng nước;

- Danh mục các thông tin, số liệu, dữ liệu về hiện trạng các công trình khai thác, sử dụng nước; hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước;

- Thông tin, số liệu, dữ liệu về kết quả điều tra, đánh giá tài nguyên nước;

- Các tài liệu khác liên quan đến công tác kiểm kê tài nguyên nước.

b) Kiểm kê các chỉ tiêu tài nguyên nước tại thực địa: Điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước mặt và hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước; lấy và phân tích mẫu nước mặt.

c) Tổng hợp, xử lý, phân loại thông tin, số liệu kết quả thu thập, điều tra thực địa phục vụ cho việc cập nhật số liệu vào phần mềm quản lý, khai thác dữ liệu kiểm kê tài nguyên nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

d) Tính toán các chỉ tiêu kiểm kê tài nguyên nước không xác định được

trực tiếp từ số liệu kiểm kê, đo đạc thực địa, bao gồm: Lượng nước mặt, chất lượng nước mặt và cập nhật kết quả vào phần mềm quản lý, khai thác dữ liệu kiểm kê tài nguyên nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

e) Xây dựng, hoàn thiện hồ sơ sản phẩm kết quả kiểm kê, đánh giá tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	Khối lượng
I	Thu thập, kế thừa các thông tin, số liệu liên quan đến chỉ tiêu kiểm kê		
	Thu thập, rà soát thông tin, dữ liệu và triển khai công tác điều tra thực địa	100 km ²	7,60
II	Kiểm kê các chỉ tiêu tài nguyên nước ngoài thực địa		
2.1	Lấy mẫu và phân tích mẫu nước mặt		
-	Lấy mẫu	Mẫu	24
-	Phân tích mẫu nước mặt: pH, DO, TSS, BOD5, COD, NH4+, NO2-, NO3-, Pb, As, Fe, Cu, Zn, Mn, Cr6+, PO43-, Tổng dầu mỡ, Coliform, Chất hoạt động bề mặt	Mẫu	24
2.2	Điều tra thực địa		
a	Điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước mặt phục vụ kiểm kê các chỉ tiêu tài nguyên nước ngoài thực địa	100 km ²	4,38
b	Điều tra hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước phục vụ kiểm kê các chỉ tiêu tài nguyên nước ngoài thực địa	100 km ²	4,38
III	Tổng hợp, xử lý, phân loại thông tin, số liệu kết quả thu thập, điều tra thực địa	100 km ²	7,60
IV	Tính toán các chỉ tiêu kiểm kê tài nguyên nước		
4.1	Tính toán chỉ tiêu kiểm kê lượng nước mặt	100 km ²	7,60
4.2	Tính toán chỉ tiêu chất lượng nước mặt	100 km ²	7,60
V	Tổng hợp kết quả, xây dựng và hoàn thiện hồ sơ sản phẩm kết quả kiểm kê tài nguyên nước tỉnh Lai Châu	100 km²	
5.1	Chuẩn bị nội dung thông tin và biên tập các bản đồ	100 km ²	7,60
5.2	Tổng hợp hồ sơ sản phẩm kiểm kê tài nguyên nước	100 km ²	7,60

5. Sản phẩm, kết quả của nhiệm vụ

5.1. Sản phẩm chính

- Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm kê tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

- Tập các kết quả kiểm kê tài nguyên nước đến năm 2025 theo hướng dẫn tại Công văn số 4464/BTNMT-TNN ngày 16/6/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện kiểm kê tài nguyên nước quốc gia, được phê duyệt tại Quyết định số 1383/QĐ-TTg.

- Các báo cáo chuyên đề gồm:

+ Báo cáo kiểm kê tài nguyên nước mặt trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

+ Báo cáo kiểm kê hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước mặt trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

+ Báo cáo kiểm kê hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

- Bộ thông tin, số liệu về kiểm kê tài nguyên nước, thông tin, số liệu phục vụ tính toán các chỉ tiêu kiểm kê;

- Các bản vẽ, sơ đồ, bản đồ (tỷ lệ 1:25.000) tương ứng với các đối tượng và chỉ tiêu kiểm kê;

- Các phụ lục kết quả điều tra, khảo sát;

- Bộ dữ liệu CD.

5.2. Các sản phẩm trung gian

- Báo cáo kết quả điều tra thực địa;

- Báo cáo kết quả tổng hợp, chỉnh lý, xử lý dữ liệu, thông tin về tài nguyên nước mặt; hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước mặt; hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước.

- Sơ đồ tài liệu thực tế;

- Các sản phẩm khác.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

a) Kinh nghiệm

Đối với hợp đồng tương tự Nhà thầu đính kèm các tài liệu bao gồm: Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu hoặc biên bản thanh lý hợp đồng (kèm theo phụ lục), hóa đơn GTGT (nếu có) và các tài liệu chứng minh tính chất tương tự.

b) Yêu cầu về nhân sự cần thiết cho gói thầu và cho từng vị trí theo tiêu chuẩn đánh giá tại chương III của E-HSMT.

Mỗi nhân sự đảm nhận 01 chức danh (không kiêm nhiệm). Kinh nghiệm

của nhân sự được tính từ thời điểm nhân sự tham gia làm việc trong lĩnh vực tương tự (Tài liệu chứng minh: Hồ sơ dự án/ gói thầu đã tham gia hoặc bản sao chứng thực hợp đồng lao động với đơn vị chuyên ngành về lĩnh vực tài nguyên nước). Chứng chỉ của nhân sự phải còn hiệu lực trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT. Nhân sự chỉ được xem xét đánh giá khi thỏa mãn các yêu cầu về bằng cấp và chứng chỉ theo yêu cầu của E-HSMT;

Nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt trong quá trình đánh giá HSDT và thương thảo hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng việc thay đổi nhân sự phải được sự chấp thuận của chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực và kinh nghiệm bằng hoặc tốt hơn nhân sự đã đề xuất.

Trường hợp liên danh dự thầu: Năng lực kinh nghiệm được tính bằng tổng năng lực kinh nghiệm của từng thành viên liên danh tham dự tương ứng với phần khối lượng công việc đảm nhận.

c) Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với từng tiêu chuẩn kinh nghiệm và năng lực, giải pháp và phương pháp luận, nhân sự không được thấp hơn số điểm yêu cầu của tiêu chuẩn đó. E-HSDT không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với ít nhất một trong các tiêu chuẩn kinh nghiệm và năng lực, giải pháp và phương pháp luận, nhân sự được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không thấp hơn tổng số điểm yêu cầu về kỹ thuật mà E-HSMT quy định. E-HSDT có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

V. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

Đảm bảo cung cấp kịp thời, đầy đủ cho Nhà thầu các hồ sơ, tài liệu thông tin cần thiết có liên quan đến nhiệm vụ của tư vấn, kể cả các tài liệu nghiên cứu liên quan hiện có nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu thực hiện nhiệm vụ của mình trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Cử nhân viên tham gia, phối hợp với Nhà thầu và tạo điều kiện thuận lợi để Nhà thầu có thể xem xét tất cả các thông tin cần thiết cho nhiệm vụ của mình

Thanh toán đầy đủ chi phí theo hợp đồng cho Nhà thầu sau khi nhà thầu đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm được quy định trong hợp đồng

Các trách nhiệm và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.